TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2025/DSPT
Ngày: 04 – 4 – 2025
V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu.

Các thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Ông Nguyễn Lê Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 và 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 754/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Cẩm Q**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp K T, xã T N, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của chị Q: Anh **Nguyễn Duy C**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp M T, xã M H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. (Văn bản uỷ quyền ngày 09/11/2023).

* *Bị đơn*: Chị **Lưu Thị T**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Q P, xã N Q, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Chị **Tạ Kim T**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số /8 đường /2, khu phố , phường , thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn. (Văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2025).

Anh C, chị Q và chị T có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ bà con với nhau, vào năm 2023 chị Q có cho chị T vay số tiền cụ thể:

Ngày 25/5/2023 dương lịch, chị T có vay của chị Q số tiền 176.800.000 đồng. Mục đích vay để trả Ngân hàng, khi vay xong sẽ trả lại cho chị Q.

Ngày 06/6/2023 âm lịch (ngày 23/7/2023 dương lịch), chị T tiếp tục vay của chị Q số tiền 91.200.000 đồng.

Tổng cộng chị T vay của chị Q số tiền 268.000.000 đồng. Chị T và chị Q có thỏa thuận miệng trả lãi hàng tháng nhưng từ khi vay đến nay chị T không trả được phần lãi nào, chị Q yêu cầu trả nợ thì chị T hẹn lần mà không trả. Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi nên chị Q khởi kiện yêu cầu chị Lưu Thị T trả số tiền còn thiếu là 268.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất từ đối với số tiền 176.800.000 đồng tính từ ngày 25/5/2023 đến khi xét xử sơ thẩm và số tiền 91.200.000 đồng tính từ ngày 23/7/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ chị Lưu Thị T nhưng chị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm Q.

Buộc chị Lưu Thị T trả cho chị Nguyễn Cẩm Q số tiền 331.359.900 đồng (gồm 268.000.000 đồng nợ gốc + 63.359.300 đồng lãi suất). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024 chị Lưu Thị T có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do chị T chỉ nợ chị Q 60.000.000 đồng nợ vay và 120.000.000 đồng nợ hụi nên chỉ đồng ý trả cho chị Q số tiền này.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn chị Lưu Thị T có cung cấp tờ biên nhận tiền thể hiện chị có tham gia chơi hụi và còn thiếu tiền hụi của chị Q số tiền 176.800.000 đồng, đồng thời có tờ biên nhận chị Q vay dùm chị T 60.000.000 đồng; chị Q không có căn cứ chứng minh ngoài số tiền 60.000.000 đồng, chị T có vay thêm của chị Q số tiền 31.200.000 đồng để có tờ biên nhận 91.200.000 đồng, tại phiên toà anh C và chị Q thừa nhận do chị Q có viết lại tờ biên nhận số tiền 60.000.000 đồng thành 91.200.000 đồng. Chị T kháng cáo cho rằng chỉ có thiếu tiền hụi 120.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh chỉ thiếu số tiền hụi này; đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Q, chị T có nghĩa vụ trả số tiền hụi 176.800.000 đồng, phải chịu lãi suất chậm trả và trả số tiền vay 60.000.000 đồng, tính lãi suất từ ngày 06/6/2023 (ngày 23/7/2023 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Chị Lưu Thị T có giao dịch với chị Nguyễn Cẩm Q về quan hệ vay tiền trong năm 2023, tổng cộng số tiền chị T đã vay của chị Q là 268.000.000 đồng, có thoả thuận trả lãi suất. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hai tờ biên nhận vay tiền ngày 25/5/2023 dương lịch và ngày 06/6/2023 âm lịch (ngày 23/7/2023 dương lịch) có chữ ký của chị T. Sau khi vay tiền chị T không trả tiền lãi và tiền vốn cho chị Q nên cấp sơ thẩm buộc chị T phải có nghĩa vụ trả.

[II]- Chị T kháng cáo không đồng ý, cho rằng chỉ có thiếu tiền hụi 120.000.000 đồng và vay 60.000.000 đồng nên đồng ý trả 180.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Tạ Kim T là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Lưu Thị T có cung cấp tờ biên nhận thể hiện chị T có tham gia chơi hụi và còn thiếu tiền hụi của chị Q số tiền 176.800.000 đồng, đồng thời có tờ biên nhận chị Q vay giùm chị T 60.000.000 đồng; ngoài ra chị T có cung cấp một số tài liệu chứng minh chị có tham gia chơi hụi và chốt lại số tiền hụi còn thiếu của chị Q là 176.800.000 đồng; các tờ biên nhận này chị T có ký tên ghi ngày

06/6/2023 âm lịch. Anh C là người đại diện theo uỷ quyền của chị Q và tại phiên toà phúc thẩm chị Q trình bày tờ biên nhận số tiền 91.200.000 đồng là do chị Q có viết lại tờ biên nhận số tiền 60.000.000 đồng thành 91.200.000 đồng, các tờ biên nhận viết lại đều ghi trùng khớp về thời gian thiếu nợ của hai tờ biên nhận trước, chỉ khác về tiền hụi thành tiền vay và số tiền vay từ 60.000.000 đồng thành 91.200.000 đồng.

Chị Q cho rằng chị T đã ký vào các tờ biên nhận sau này thì phải có trách nhiệm, và chị có vay dùm chị Q để trả tiền hụi 176.800.000 đồng nên thành là tiền vay, nhưng chị Q không đưa ra căn cứ chứng minh tiền hụi thành tiền vay và sau khi vay số tiền 60.000.000 đồng, chị T có vay thêm của chị Q số tiền 31.200.000 đồng để có tờ biên nhận 91.200.000 đồng. Như vậy, số tiền 176.800.000 đồng chị T chứng minh và trùng khớp với tờ biên nhận viết sau này, nhưng có căn cứ là số tiền hụi chị T còn thiếu của chị Q chứ không phải là tiền vay, do đó chị T chỉ phải có nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả tính từ ngày 25/7/2023 là ngày chị T thoả thuận nhưng không trả cho chị Q cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,8%/tháng, theo đó lãi suất sẽ là: 176.800.000 đồng × 0,8% × 13 tháng (làm tròn từ 25/7/2023 đến 25/8/2024) = 18.387.200 đồng. Đối với số tiền vay chị T chứng minh được là chỉ có vay 60.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ trả và chịu lãi suất từ ngày 06/6/2023 (ngày 23/7/2023 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng, theo đó lãi suất sẽ là: 60.000.000 đồng × 1,66% × 13 tháng (làm tròn từ 23/7/2023 đến 23/8/2024) = 12.948.000 đồng.

[III]- Chị T kháng cáo cho rằng chỉ có thiếu tiền hụi 120.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh chỉ thiếu số tiền hụi này, nên phải có nghĩa vụ trả số tiền hụi là 176.800.000 đồng như nhận định phần trên.

Từ những phân tích và căn cứ pháp lý nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lưu Thị T, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm Q, sửa bản án sơ thẩm và điều chỉnh lại án phí sơ thẩm cho phù hợp với phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[IV]- Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định. Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, theo đó số tiền tính án phí là: 331.359.900 đồng – 268.135.200 đồng (176.800.000 đồng + 60.000.000 đồng + 18.387.200 đồng + 12.948.000 đồng) = 63.224.700 đồng. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận của chị Q với số tiền 268.135.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lưu Thị T uỷ quyền cho chị Tạ Kim T

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm Q.

Buộc chị Lưu Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Cẩm Q số tiền 268.135.200 đồng (gồm 176.800.000 đồng tiền hụi + 60.000.000 đồng tiền vay + 18.387.200 đồng lãi suất chậm trả tiền hụi + 12.948.000 đồng lãi suất của số tiền vay).

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Cẩm Q phải chịu 3.161.235 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 7.180.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004562 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại số tiền 4.018.765 đồng.

Chị Lưu Thị T phải chịu 13.406.760 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005070 ngày 14/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy;
- CC THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu